

Ngày soạn: 09/2026

CHUYÊN ĐỀ 1: CÁC LĨNH VỰC CỦA SỬ HỌC (10 Tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Tóm tắt được một số cách trình bày lịch sử truyền thống thông qua ví dụ cụ thể.
- Giải thích được khái niệm thông sử.
- Nêu được nội dung chính của thông sử.
- Nêu được khái quát về các lĩnh vực của sử học
- Trình bày được ý nghĩa của việc phân chia lịch sử theo lĩnh vực
- Nêu được khái niệm và nội dung chính của lịch sử dân tộc và lịch sử thế giới
- Nêu được đối tượng và phạm vi của lịch sử văn hoá Việt Nam.
- Trình bày được nét chính của lịch sử văn hoá Việt Nam trên đường thời gian.
- Nêu được đối tượng và phạm vi của lịch sử tư tưởng Việt Nam.
- Trình bày được nét chính của lịch sử tư tưởng Việt Nam trên đường thời gian.
- Trình bày được đối tượng của lịch sử xã hội. - Trình bày được nét chính của lịch sử xã hội Việt Nam trên đường thời gian.
- Trình bày được đối tượng của lịch sử kinh tế VN.
- Trình bày được nét chính của lịch sử kinh tế Việt Nam trên đường thời gian.

2. Về năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- Năng lực riêng:
 - + Rèn luyện cho học sinh kỹ năng sưu tầm, khai thác và sử dụng sử liệu trong học tập lịch sử, trình bày, giải thích, phân tích... sự kiện, quá trình lịch sử liên quan đến bài học, vận dụng kiến thức kỹ năng đã học để giải quyết những tình huống/bài tập nhận thức mới.
 - + Trên cơ sở đó góp phần hình thành và phát triển các năng lực: Tìm hiểu lịch sử, nhận thức lịch sử, vận dụng kiến thức kỹ năng đã học.

3. Về phẩm chất:

- Bồi dưỡng các phẩm chất như: Trung thực, sáng tạo, chăm chỉ, trách nhiệm, có ý thức tìm tòi khám phá lịch sử

4. Tích hợp NLS:

- 1.1.NC1b HS áp dụng được kỹ thuật tìm kiếm để lấy được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số-
- 1.2.NC1a- HS thực hiện đánh giá được độ tin cậy và độ tin cậy của các nguồn dữ liệu, thông tin và nội dung số đã sử dụng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Giáo án (kế hoạch dạy học)
- Một số tranh ảnh, hiện vật lịch sử, một số tư liệu lịch sử tiêu biểu gắn với nội dung bài học.

- Tập bản đồ và tư liệu Lịch sử 10.
- Máy tính, máy chiếu (nếu có) .

2. Học sinh:

- Sách giáo khoa
- Tranh ảnh tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu và sự hướng dẫn của GV

III. TIẾN TRÌNH DẠY -HỌC:

1 .HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Khơi gợi sự chú ý của HS, giúp HS nhận thức được đây là một sự kiện lịch sử. Tạo tâm thế cho HS đi vào tìm hiểu bài học mới

b. Nội dung : Học sinh dưới sự hướng dẫn của giáo viên sẽ trả lời câu hỏi theo yêu cầu của giáo viên

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

- Giáo viên yêu cầu học sinh quan sát hình 1, 2 trang SGK và trả lời câu hỏi: hai hình trên gợi cho em những cảm nhận gì?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

Đó là sự thay đổi, phát triển trong hoạt động sản xuất ở Việt Nam theo hai phương thức, mô hình truyền thống và hiện đại. Để thể hiện sự phát triển và thay đổi đó nói riêng và sự thay đổi của lịch sử nói chung một cách tương đối sinh động, người ta lựa chọn nhiều cách thức khác nhau (trưng bày những hình ảnh phù hợp, biên soạn các công trình, tác phẩm lịch sử và nhiều cách khác nữa).. Để hiểu rõ hơn vấn đề này chúng ta đi vào tìm hiểu nội dung tiết học ngày hôm nay

2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1. Một số cách trình bày lịch sử truyền thống

a. Mục tiêu: Tóm tắt được một số cách trình bày lịch sử truyền thống thông qua các ví dụ cụ thể.

b. Nội dung : Học sinh nghiên cứu sách giáo khoa quan sát tranh ảnh, thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi của giáo viên

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV tổ chức cho HS hoạt động theo nhóm, khai thác nội dung sách giáo khoa và hoàn thành phiếu học tập theo gợi ý sau:

Hãy giới thiệu tóm tắt một số cách trình bày lịch sử truyền thống? Cho ví dụ minh họa

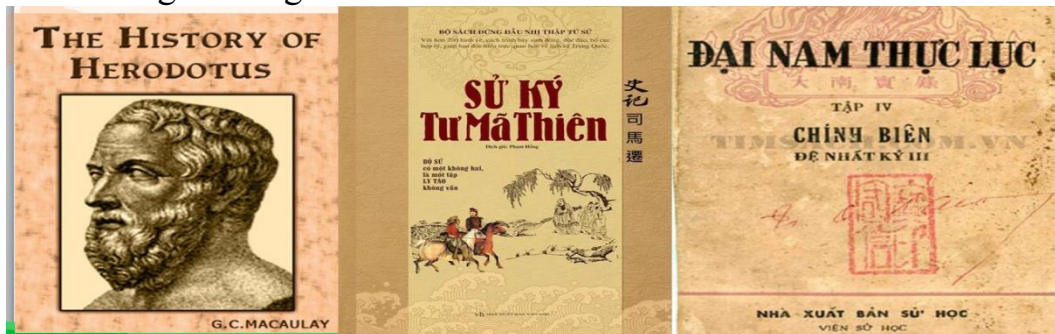
Hình thức trình bày lịch sử truyền thống	Thể loại	Ví dụ

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

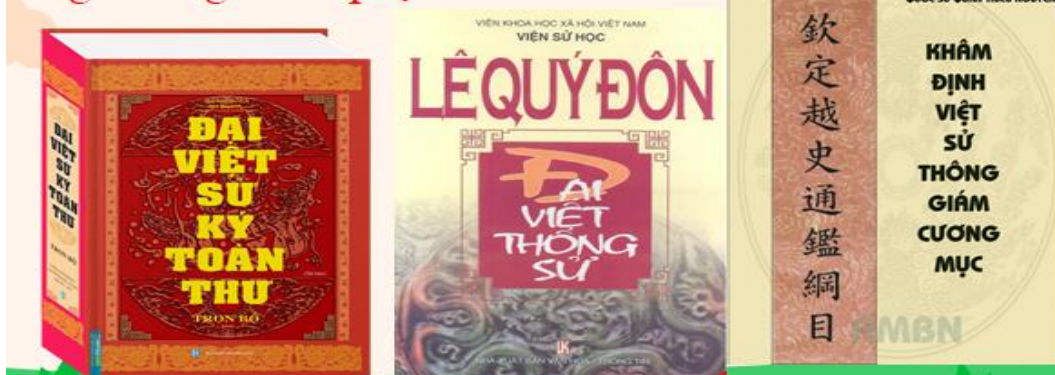
- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu.

- GV lấy ví dụ cho HS về một số cách trình bày lịch sử truyền thống

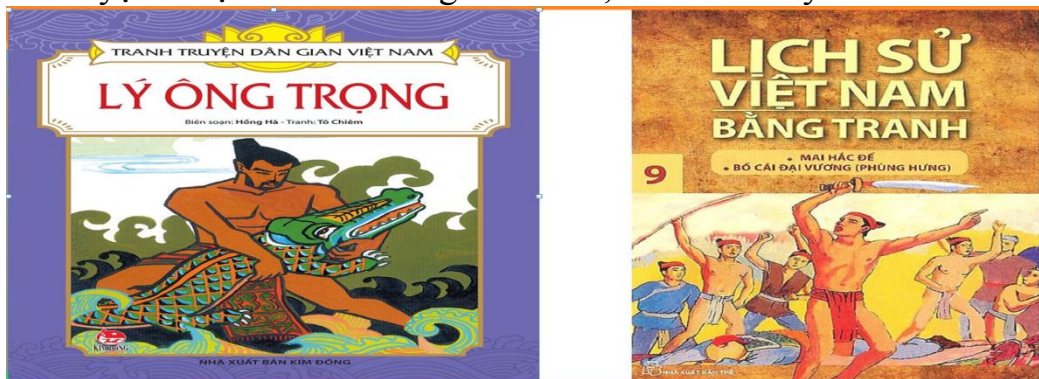
+ Các công trình nghiên cứu:



Công trình ghi chép lịch sử



+ Chuyện kể lịch sử: con rồng cháu tiên, sơn tinh-thủy tinh...



+ Các lễ hội, ca múa, hình ảnh, phim, kịch



Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

- Nhóm HS lần lượt trả lời các câu hỏi

Hình thức trình bày lịch sử truyền thống	Thể loại	Ví dụ
Các công trình nghiên cứu lịch sử (chữ viết)	Biên niên, thực lục, cương mục, lịch sử dân tộc, lịch sử thế giới	- Địa nam thực lục - Việt sử thông giám cương mục - Đại Việt sử ký toàn thư - Lịch sử Việt Nam - Lịch sử thế giới - Lịch sử Đông Nam Á ...
Chuyện kể lịch sử (truyền miệng)	Truyền thuyết, chuyện cổ tích, chuyện dân gian...	- Con rồng cháu tiên - Sơn tinh, thủy tinh - Bánh chưng, bánh dày - Sử thi của một số dân tộc ...
Thông qua các hình thức nghệ thuật, lễ hội	Phim, kịch, ca múa nhạc, ảnh	- Phim: thái sư Trần Thủ Độ, Đêm hội long trì, Hà

		Nội 12 ngày đêm - Chèo: Bài ca giữ nước - Cải lương: Tiếng trống Mê Linh ...
--	--	---

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh.

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

I. Thông sử và lịch sử theo các lĩnh vực

1. Một số cách trình bày lịch sử truyền thống

- Sách: Việc biên soạn những tác phẩm lịch sử bằng chữ viết thông qua việc tạo ra những cuốn sách dưới nhiều hình thức và vật liệu khác nhau
- Ngoài sách việc tái hiện lịch sử và trình bày còn được thể hiện bằng nhiều hình thức khác như: Chuyện kể lịch sử, lễ hội, ca múa, hình ảnh, phim kịch...

Hoạt động 2. Thông sử

a. Mục tiêu: Giải thích được khái niệm thông sử và nêu được nội dung chính của thông sử.

b. Nội dung :

- Giáo viên dựa vào tài liệu trong SGK, giải thích khái niệm thông sử và nêu một số ví dụ minh họa. Sau đó giáo viên yêu cầu học sinh làm việc nhóm trả lời nội dung sau:

- + Đối tượng nghiên cứu của một cuốn thông sử là gì?
- + Nội dung cuốn thông sử đó đề cập đến các lĩnh vực nào và theo tiến trình thời gian ra sao?
- + Các nhân vật, sự kiện và các quá trình lịch sử được giới thiệu trong cuốn thông sử có đặc điểm gì nổi bật?
- Sau đó để củng cố kiến thức giáo viên đặt câu hỏi: Theo em cuốn sách như trong hình 6 (trang 8) có phải là thông sử không? Vì sao?
- Học sinh nghiên cứu sách giáo khoa quan sát tranh ảnh, thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi của giáo viên

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu HS đọc SGK tr.9, làm việc nhóm và trả lời các câu hỏi sau:

- + Đối tượng nghiên cứu của một cuốn thông sử là gì?
- + Nội dung cuốn thông sử đó đề cập đến các lĩnh vực nào và theo tiến trình thời gian ra sao?

+ Các nhân vật, sự kiện và các quá trình lịch sử được giới thiệu trong cuốn thông sử có đặc điểm gì nổi bật?

- Để củng cố kiến thức giáo viên đặt câu hỏi: Theo em cuốn sách như trong hình 6 (trang 8) có phải là thông sử không? Vì sao?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK trang 9 làm việc nhóm và thực hiện yêu cầu.

- Học sinh dựa vào phần khái niệm thông sử trả lời câu hỏi củng cố.

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

- Đại diện các nhóm lần lượt trả lời các câu hỏi

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh.

- GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

2. Thông sử

a. Thông sử là gì?

- Thông sử là hình thức trình bày lịch sử chung nhất, đề cập đến tất cả các lĩnh vực đời sống trong quá khứ từ khởi nguyên đến ngày nay (lịch sử địa phương, lịch sử quốc gia, lịch sử khu vực, lịch sử thế giới).

b. Nội dung chính của thông sử

- Nội dung chính của thông sử trình bày tổng hợp và toàn diện về lịch sử, chú trọng các nhân vật sự kiện và quá trình lịch sử quan trọng nhất như chính trị kinh tế quân sự ngoại giao văn hóa. Các nhân vật, sự kiện, quá trình lịch sử được lựa chọn trình bày theo thời gian từ trước đến sau, từ xưa đến nay.

- Những cuốn sách như trong Hình 6 (tr. 8) là những cuốn sách thông sử, bởi những cuốn sách này đề cập đến tất cả các lĩnh vực đời sống trong quá khứ của đất nước Việt Nam và của thế giới từ khởi nguyên đến nay, cụ thể:

+ Đại cương lịch sử Việt Nam toàn tập khái quát tình hình kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa,... của Việt Nam từ thời nguyên thủy cho đến năm 2000.

+ Word history khái quát về các lĩnh vực của lịch sử thế giới từ khởi nguyên đến nay. Hoạt động

3. Lịch sử theo lĩnh vực

a. Mục tiêu: Nêu được nét khái quát về các lĩnh vực của lịch sử, giải thích được ý nghĩa của việc phân chia lịch sử theo lĩnh vực.

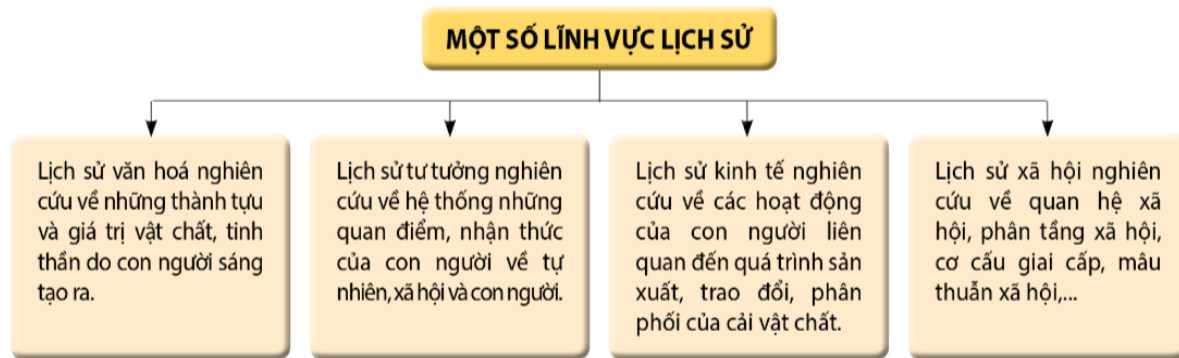
b. Nội dung : Học sinh nghiên cứu sách giáo khoa quan sát tranh ảnh, thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi của giáo viên

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV dẫn dắt: bên cạnh việc biên soạn lịch sử theo hình thức thông sử, để đáp ứng nhu cầu tìm hiểu, nghiên cứu chuyên sâu từng lĩnh vực của đời sống xã hội trong quá khứ việc nghiên cứu lịch sử theo từng lĩnh vực cũng được đặt ra từ khá sớm.
 - GV yêu cầu HS đọc Đọc thông tin và quan sát Sơ đồ 1.1, hình 1.6
- ? Hãy nêu khái quát về một số lĩnh vực của lịch sử, Giải thích ý nghĩa của việc phân chia lịch sử theo lĩnh vực.



Sơ đồ 1.1. Một số lĩnh vực lịch sử

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu.
- GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

- HS lần lượt trả lời các câu hỏi

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh.

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

3. Lịch sử theo lĩnh vực

- Lịch sử còn được trình bày theo từng lĩnh vực khác nhau như lịch sử chính trị, lịch sử ngoại giao, lịch sử văn hóa, lịch sử tư tưởng, lịch sử kinh tế, lịch sử xã hội.
- Ý nghĩa: nghiên cứu lịch sử theo lĩnh vực mang lại cho người đọc nhận thức sâu sắc cụ thể về một lĩnh vực nào đó. Đây cũng là một cơ sở giúp hiểu biết đầy đủ hơn toàn bộ lịch sử địa phương, quốc gia-dân tộc, khu vực hoặc thế giới

Hoạt động 4. Lịch sử dân tộc và lịch sử thế giới

a. Mục tiêu: Nêu được khái niệm và nội dung chính của lịch sử dân tộc, lịch sử thế giới.

b. Nội dung : Học sinh nghiên cứu sách giáo khoa quan sát tranh ảnh, thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi của giáo viên

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS đọc Đọc thông tin và quan sát các hình 1.7,1.8 SGK tr.7 và hoàn thành phiếu học tập

Hãy nêu khái niệm và nội dung chính của lịch sử dân tộc, lịch sử thế giới. Cho ví dụ minh họa

Yêu cầu tìm hiểu	Lịch sử dân tộc	Lịch sử thế giới
Khái niệm		
Nội dung chính		
Ví dụ		

- Sau đó giáo viên yêu cầu học sinh tiếp tục giới thiệu rõ hơn về một cuốn sách/ một bộ sách về lịch sử dân tộc hoặc thế giới mà các em đã lựa chọn và chuẩn bị trước. Nội dung giới thiệu theo gợi ý sau: tên cuốn sách, tác giả, nhà xuất bản, nội dung chính, ý nghĩa/tác dụng

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK làm việc theo nhóm và thực hiện yêu cầu.

- GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

- Các nhóm HS lần lượt trả lời các câu hỏi

Yêu cầu tìm hiểu	Lịch sử dân tộc	Lịch sử thế giới
Khái niệm		
Nội dung chính		
Ví dụ		

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh.

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

4. Lịch sử dân tộc và lịch sử thế giới

a. Lịch sử dân tộc

- Lịch sử dân tộc là lịch sử của một cộng đồng quốc gia - dân tộc sinh sống trên một lãnh thổ nhất định và được quản lý bởi một nhà nước thống nhất

- Bao gồm các lĩnh vực như: Chính trị, xã hội, quân sự, ngoại giao, kinh tế, văn hóa, tư tưởng, giáo dục, nghệ thuật...

b. Lịch sử thế giới

- Lịch sử thế giới là lịch sử của toàn nhân loại hoặc một số khu vực trên thế giới từ khi con người xuất hiện cho tới nay

- Nội dung thể hiện quá trình vận động của các lĩnh vực: chính trị quân sự ngoại, giao kinh tế, văn hóa, xã hội....

- **Một số ví dụ về lịch sử dân tộc và lịch sử thế giới:**

Một số cuốn sách lịch sử dân tộc:

+ Bộ *sách Đại Việt sử ký toàn thư* do Ngô Sĩ Liên và các sử thần nhà Lê biên soạn, ghi chép lịch sử Việt Nam từ thời Hồng Bàng đến đời vua Lê Gia Tông nhà Hậu Lê (1675).

+ Sách *Đại cương lịch sử Việt Nam toàn tập* do GS. Trương Hữu Quýnh, GS. Đinh Xuân Lâm và PGS. Lê Mậu Hãn đồng chủ biên khái quát lịch sử Việt Nam từ thời nguyên thủy đến năm 2000.

+ Sách *Sử Trung Quốc* của tác giả Nguyễn Hiến Lê khái lược về từng lĩnh vực của đất nước Trung Quốc trong các thời kì lịch sử.

Một số cuốn sách lịch sử thế giới:

+ Cuốn sách *Lịch sử thế giới cổ đại* do GS. Lương Ninh chủ biên giới thiệu một thời gian dài của lịch sử loài người, từ khi con người xuất hiện trên Trái đất, đến tổ chức xã hội đầu tiên của loài người là thị tộc, bộ lạc, và cho đến hết thời Cổ đại.

+ Cuốn sách *Lịch sử thế giới hiện đại* do Nguyễn Anh Thái chủ biên khái quát lịch sử thế giới từ năm 1917 đến năm 2000.

Hoạt động 5. Lịch sử văn hóa Việt Nam

a. Mục tiêu:

- Nêu được đối tượng và phạm vi của lịch sử văn hóa Việt Nam.
- Tóm tắt được những nét chính trong tiến trình phát triển của Lịch sử văn hóa Việt Nam

b. Nội dung : Học sinh nghiên cứu sách giáo khoa quan sát tranh ảnh, thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi của giáo viên

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Nhiệm vụ 1: Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

GV chia lớp thành 4 nhóm và trả lời câu hỏi sau:

- + Em hãy nêu đối tượng và phạm vi nghiên cứu của Lịch sử văn hóa Việt Nam
- + Quan sát sơ đồ hình 13 SGK trang 13 chỉ rõ các giai đoạn phát triển của văn hóa Việt Nam và nêu một số nét chính của từng thời kì

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu.

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

- Nhóm HS lần lượt trả lời các câu hỏi

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh.

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

II Một số lĩnh vực của lịch sử Việt Nam

1. Lịch sử văn hóa Việt Nam

a. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu của Lịch sử văn hóa Việt Nam

- Đối tượng : Là toàn bộ đời sống văn hóa bao gồm các thành tựu giá trị, truyền thống, phong tục tập quán của dân tộc Việt nam trong lịch sử.

- Phạm vi nghiên cứu: Là toàn bộ đời sống vật chất và tinh thần, các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể của cộng đồng dân tộc Việt Nam từ thời nguyên thủy đến nay

b. Khái lược tiến trình lịch sử văn hóa Việt Nam

- Thời kì nguyên thủy: Trên đất nước Việt Nam đã có con người sinh sống với những bằng chứng dấu tích cư trú và lao động của con người từ thời đồ đá có niên đại cách ngày nay từ khoảng 1 vạn đến 80 vạn năm.

- Thời kì dựng nước: Từ gần 3000 năm đã hình thành và phát triển 3 trung tâm văn minh gần 3 quốc gia: Văn Lang – Âu Lạc, Chăm Pa và Phù Nam.

- Thời kì Bắc thuộc: Gắn chặt với cuộc đấu tranh chống sự đồng hóa của người Hán, giữ gìn bản sắc văn hóa bản địa

- Thời kì quân chủ độc lập: Diễn ra quá trình chọn lọc có tiếp thu tinh hoa văn hóa từ bên ngoài, gắn liền với việc chủ động bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc.

- Thời kì cận đại: Quá trình giao lưu và tiếp biến văn hóa diễn ra mạnh mẽ Tiếp tục đấu tranh bảo tồn các giá trị truyền thống văn hóa tốt đẹp của cha ông, chủ động tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại.

- Thời kì hiện đại: Đời sống văn hóa mới thấm đẫm tinh thần yêu nước và cách mạng góp phần to lớn vào những chiến công hiển hách của dân tộc

Hoạt động 6. Lịch sử tư tưởng Việt Nam

a. Mục tiêu:

- Nêu được đối tượng và phạm vi của lịch sử tư tưởng Việt Nam.

- Tóm tắt được những nét chính trong tiến trình phát triển của Lịch sử Tư tưởng Việt Nam

b. Nội dung : Học sinh nghiên cứu sách giáo khoa quan sát tranh ảnh, thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi của giáo viên

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV chia lớp thành 4 nhóm và trả lời câu hỏi sau:

+ Em hãy nêu đối tượng và phạm vi nghiên cứu của Lịch sử tư tưởng Việt Nam

+ Quan sát sơ đồ hình 19 SGK trang 15 chỉ rõ các giai đoạn phát triển của tư tưởng Việt Nam và nêu một số nét chính của từng thời kì

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu.

- GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

- Nhóm HS lần lượt trả lời các câu hỏi

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh.

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

2. Lịch sử tư tưởng Việt Nam

a. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng : Là toàn bộ đời sống tinh thần của dân tộc Việt Nam nói chung và từng cộng đồng nói riêng: Tôn giáo, triết học, tư tưởng chính trị...

- Phạm vi nghiên cứu: Là toàn bộ đời sống tinh thần của dân tộc Việt Nam nói chung và từng cộng đồng nói riêng: Tôn giáo, triết học, tư tưởng chính trị...

b. Khái lược tiến trình lịch sử văn hóa Việt Nam

- Thời kì dựng nước: Vai trò của lao động, cùng nhau chung sống lương thiện, nhân ái, đoàn kết, dũng cảm đương đầu với thiên tai, địch họa

- Từ khoảng đầu Công nguyên đến giữa TK XIX: Tiếp thu có chọn lọc nhiều tư tưởng bên ngoài, làm giàu thêm kho tàng tư tưởng dân tộc: Hin-đu giáo, Phật giáo, Nho giáo, Lão giáo...

- Thời kì cận đại và hiện đại: Tiếp nhận ảnh hưởng từ nhiều trường phái tư tưởng phương Tây và phương Đông

Hoạt động 7. Lịch sử xã hội Việt Nam

a. Mục tiêu:

- Nêu được đối tượng của lịch sử xã hội Việt Nam.

- Tóm tắt được những nét chính trong tiến trình phát triển của Lịch sử xã hội Việt Nam

b. Nội dung : Học sinh nghiên cứu sách giáo khoa quan sát tranh ảnh, thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi của giáo viên

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV chia lớp thành 4 nhóm và trả lời câu hỏi sau:

+ Em hãy nêu đối tượng và phạm vi nghiên cứu của Lịch sử xã hội Việt Nam

+ Quan sát sơ đồ hình 21 SGK trang 18 chỉ rõ các giai đoạn phát triển của xã hội Việt Nam và nêu một số nét chính của từng thời kì

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu.

- GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

- Nhóm HS lần lượt trả lời các câu hỏi

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh.

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

3. Lịch sử xã hội Việt Nam**a. Đối tượng của lịch sử xã hội**

- Là toàn bộ đời sống xã hội loài người trong quá khứ bao gồm: cấu trúc xã hội, các gia tầng, quan hệ xã hội...

b. Khái lược về lịch sử xã hội Việt Nam

- Thời kì dựng nước đầu tiên: Cộng đồng người Việt Nam đã được tổ chức hình thành xã hội có độ gắn kết tương đối cao để cùng sản xuất nông nghiệp, giao thương và đương đầu với thiên tai...

- Thời kì Bắc thuộc: Duy trì hình thức tổ chức xã hội cơ bản của mình là cộng đồng nông thôn (làng/bản) với phạm vi tự chủ khá lớn.

- Thời quân chủ độc lập: Xây dựng xã hội tương đối hài hòa đoàn kết, là cơ sở để kiến tạo một quốc gia quân chủ tập quyền vững mạnh.

Xuất hiện một số thành thị: Thăng Long, Hội An, Vân Đồn...

- Thời kì cận đại: Xã hội truyền thống có nhiều biến đổi. Các giai cấp tầng lớp trong cấu trúc xã hội truyền thống vẫn tiếp tục tồn tại, song vai trò và vị thế xã hội đã thay đổi.

- Thời kì hiện đại:

+ GD 1945-1954: Một chế độ xã hội mới được thiết lập do nhân dân lao động làm chủ, trong đó có các giai cấp, tầng lớp cùng đoàn kết thực hiện thành công nhiệm vụ vừa kháng chiến vừa kiến quốc

+ GD 1954-1975: Gồm 2 giai cấp cơ bản: Công nhân và nông dân tập thể, cùng đội ngũ trí thức viên chức...

+ GD 1975 – 1986: Cả nước cùng xây dựng xã hội chủ nghĩa, giai cấp nông dân, công nhân và trí thức là những thành phần xã hội cơ bản

+ GD 1986-nay: Cơ cấu xã hội phân nhóm phân tầng phức tạp hơn. Xuất hiện nhóm người nước ngoài sinh sống và làm việc tại Việt Nam

Hoạt động 8. Lịch sử kinh tế Việt Nam**a. Mục tiêu:**

- Nêu được đối tượng của lịch sử kinh tế Việt Nam.

- Tóm tắt được những nét chính trong tiến trình phát triển của Lịch sử kinh tế Việt Nam

b. Nội dung : Học sinh nghiên cứu sách giáo khoa quan sát tranh ảnh, thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi của giáo viên

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV chia lớp thành 4 nhóm và trả lời câu hỏi sau:

+ Em hãy nêu đối tượng và phạm vi nghiên cứu của Lịch sử kinh tế Việt Nam

+ Quan sát sơ đồ hình 25 SGK trang 21 chỉ rõ các giai đoạn phát triển của xã hội Việt Nam và nêu một số nét chính của từng thời kì

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu.

- GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

- Nhóm HS lần lượt trả lời các câu hỏi

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh.

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

4. Lịch sử kinh tế Việt Nam

a. Đối tượng của lịch sử kinh tế Việt Nam

- Bao gồm toàn bộ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, các ngành và lĩnh vực kinh tế như: Nông nghiệp, thủ công nghiệp, công nghiệp, thương nghiệp... các phương thức sản xuất và quan hệ sản xuất, tổ chức kinh tế

b. Khái lược về lịch sử xã hội Việt Nam

- Thời kì dựng nước đầu tiên: Nền kinh tế sơ khai: kinh tế tự nhiên, nông nghiệp trồng lúa nước, giao lưu thương mại (sơ khai)

- Thời kì Bắc thuộc và quân chủ độc lập: Nền kinh tế truyền thống nông nghiệp trồng lúa nước, thủ công nghiệp, thương nghiệp (hạn chế)

- Thời kì cận đại: Nền kinh tế thuộc địa

Nông nghiệp trồng lúa nước, công nghiệp, thương nghiệp.

Yếu tố truyền thống và yếu tố hiện đại đan xen

- Thời kì hiện đại:

+ Trước 1986 : Trước năm 1986: từng bước xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa

+ Từ 1986 đến nay: Từ năm 1986 đến nay: Chuyển từ mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Kinh tế nhiều thành phần mở năng động hơn

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS trả lời các câu . Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS:

- Giáo viên yêu cầu HS hoàn thành bài tập

Câu 1. Lập bảng thống kê những hình thức trình bày lịch sử và nêu ví dụ cụ thể.

Câu 2. Tại sao thông sử lại là hình thức trình bày lịch sử phổ biến nhất?

Câu 3. Em hãy cùng nhóm bạn tìm hiểu và giới thiệu về một bộ thông sử Việt Nam hoặc thế giới.

Câu 4. Hãy thể hiện nét chính của lịch sử Việt Nam theo các lĩnh vực (văn hoá, tư tưởng, xã hội, kinh tế,...) trên trục thời gian.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của GV
- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV kết luận, nhận xét bài làm của HS.

Câu 1. Bảng thống kê những hình thức trình bày lịch sử:

Hình thức trình bày		Ví dụ cụ thể
Cách trình bày truyền thống	Dạng chữ viết	- Đại Việt sử kí của Lê Văn Hưu - Đại Việt sử kí toàn thư của Ngô Sĩ Liên và các sử gia thời Lê - Khâm định Việt sử thông giám cương mục co Quốc sử quán triều Nguyễn biên soạn...
	Truyện kể	- Truyền thuyết Thánh Gióng - Con ngựa thành Troia...
	Lễ hội	- Lễ cày tịch điền Đọi Sơn - Lễ hội đền Gióng...
	Phim, kịch...	- <i>Thái sư Trần Thủ Độ</i> (đạo diễn Đào Duy Phúc) - <i>Đường lên Điện Biên</i> (đạo diễn: Bùi Tuấn Dũng)
Thông sử		- Sách <i>Đại Cương Lịch sử Việt Nam toàn tập</i> (Tác giả: GS. Trương Hữu Quýnh, GS. Đinh Xuân Lâm, PGS. Lê Mậu Hãn đồng chủ biên)
Lịch sử theo lĩnh vực	Lịch sử văn hóa	- Sách <i>Việt Nam văn hoá sử cương</i> (Tác giả: GS. Đào Duy Anh)
	Lịch sử xã hội	- Sách <i>Xã hội Việt Nam thời Lê - Nguyễn</i> (tác giả Lê Nguyễn)
	Lịch sử kinh tế	- Sách <i>Cơ cấu kinh tế, xã hội Việt Nam thời thuộc địa (1858 - 1945)</i> của Nguyễn Văn

	Khánh
Lịch sử tư tưởng	- Sách <i>Lịch sử tư tưởng Việt Nam</i> (Tác giả: ThS. Hoàng Ngọc Vĩnh)

Câu 2. Tại sao thông sử là hình thức trình bày lịch sử phổ biến nhất?

Giải thích: Thông sử là hình thức trình bày lịch sử chung nhất, đề cập đến tất cả các lĩnh vực đời sống trong quá khứ của địa phương, quốc gia, khu vực hoặc toàn thế giới) như: chính trị, xã hội, quân sự, ngoại giao, kinh tế, văn hoá, tư tưởng, giáo dục, nghệ thuật,... từ khởi nguyên đến ngày nay. => Do ưu điểm trình bày nhiều tri thức tổng quan, toàn diện, đầy đủ về quá trình lịch sử, nên thông sử thường được sử dụng phổ biến trong nghiên cứu lịch sử ở Việt Nam và các nước trên thế giới.

Câu 3. Em hãy cùng nhóm bạn tìm hiểu và giới thiệu về một bộ thông sử Việt Nam hoặc thế giới.**Lựa chọn: Giới thiệu sách Đại Việt sử ký toàn thư**

- *Đại Việt sử ký toàn thư* là bộ quốc sử viết bằng chữ Hán của Việt Nam, viết theo thể biên niên, ghi chép lịch sử Việt Nam từ thời đại truyền thuyết Kinh Dương Vương (năm 2879 TCN) đến năm 1675, đời vua Lê Gia Tông nhà Hậu Lê.

- Bộ sử này được khắc in toàn bộ và phát hành lần đầu tiên vào năm Đinh Sửu, niên hiệu Chính Hòa năm thứ 18, triều vua Lê Hy Tông, tức năm 1697. Đây là bộ chính sử Việt Nam xưa nhất còn tồn tại nguyên vẹn đến ngày nay, do nhiều đời sử quan trong Sử quán triều Hậu Lê biên soạn.

- Bộ sử bắt đầu được Ngô Sĩ Liên, một vị sử quan làm việc trong Sử quán dưới thời vua Lê Thánh Tông, biên soạn dựa trên sự chỉnh lý và bổ sung hai bộ quốc sử Việt Nam trước đó cùng mang tên *Đại Việt sử ký* của Lê Văn Hưu và Phan Phu Tiên. Hoàn thành vào niên hiệu Hồng Đức thứ 10 (năm 1479).

- *Đại Việt sử ký toàn thư* gồm 15 quyển. Sau khi hoàn thành, *Đại Việt sử ký toàn thư* không được khắc in để ban hành rộng rãi mà tiếp tục được nhiều đời sử quan trong Quốc sử quán sửa đổi, bổ sung và phát triển thêm:

+ Khoảng niên hiệu Cảnh Trị (1663 - 1671) đời vua Lê Huyền Tông, chúa Trịnh Tạc hạ lệnh cho một nhóm văn quan, đứng đầu là Tham tụng Phạm Công Trứ, sửa chữa bộ quốc sử của Ngô Sĩ Liên, đồng thời sai biên soạn tiếp lịch sử Việt Nam từ năm 1428 (đời vua Lê Thái Tổ) đến năm 1662 (đời vua Lê Thần Tông) nhà Hậu Lê. Bộ sử của nhóm Phạm Công Trứ, gồm 23 quyển, được đem khắc in để phát hành nhưng công việc chưa xong, phải bỏ dở.

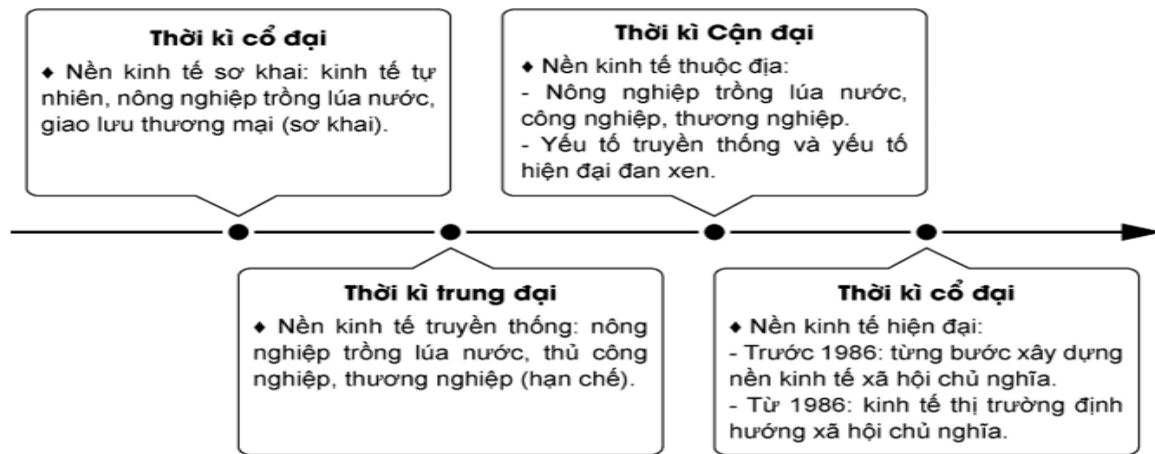
+ Khoảng niên hiệu Chính Hòa (1680 - 1705) đời vua Lê Hy Tông, chúa Trịnh Căn lại hạ lệnh cho một nhóm văn quan, đứng đầu là Tham tụng Lê Hy, tiếp tục khảo đính bộ sử của nhóm Phạm Công Trứ, đồng thời biên soạn tiếp lịch sử Việt Nam từ năm 1663 (đời vua Lê Huyền Tông) đến năm 1675 (đời vua Lê Gia Tông nhà Hậu Lê). Bộ quốc sử này lấy tên là *Đại Việt sử ký toàn thư*, theo đúng tên mà sử gia Ngô Sĩ Liên cách đó gần hai thế kỷ đã đặt cho bộ sử của ông, gồm 25 quyển, được khắc in toàn bộ và phát hành thành công vào năm Đinh Sửu, niên hiệu Chính Hòa năm thứ 18 đời vua Lê Hy Tông (năm 1697).

- Sau khi xuất bản, Đại Việt sử ký toàn thư tiếp tục được tái bản bởi các hiệu in của chính quyền và tư nhân, không chỉ ở Việt Nam mà còn trên khắp thế giới, trong nhiều thế kỷ sau. Nửa cuối thế kỷ 20, ở Việt Nam xuất hiện các bản dịch *Đại Việt sử ký toàn thư* ra chữ quốc ngữ, phổ biến nhất là bản dịch dựa trên cơ sở bản in Nội các quan bản - hiện đang lưu giữ tại thư viện Viện Viễn Đông Bác cổ ở Paris, do Nhà Xuất bản Khoa học Xã hội phát hành lần đầu năm 1993.

- *Đại Việt sử ký toàn thư* là bộ chính sử Việt Nam xưa nhất còn tồn tại nguyên vẹn đến ngày nay, là di sản vô giá của văn hóa dân tộc Việt Nam, là kho tư liệu phong phú, không những cần thiết cho ngành sử học mà còn giúp ích cho nhiều ngành khoa học xã hội khác và cũng là một bộ sử có giá trị văn học. Các bộ quốc sử sau này của Việt Nam như *Đại Việt sử ký tiền biên*, *Khâm định Việt sử Thông giám Cương mục* đều được biên soạn dựa trên cơ sở của *Đại Việt sử ký toàn thư*.

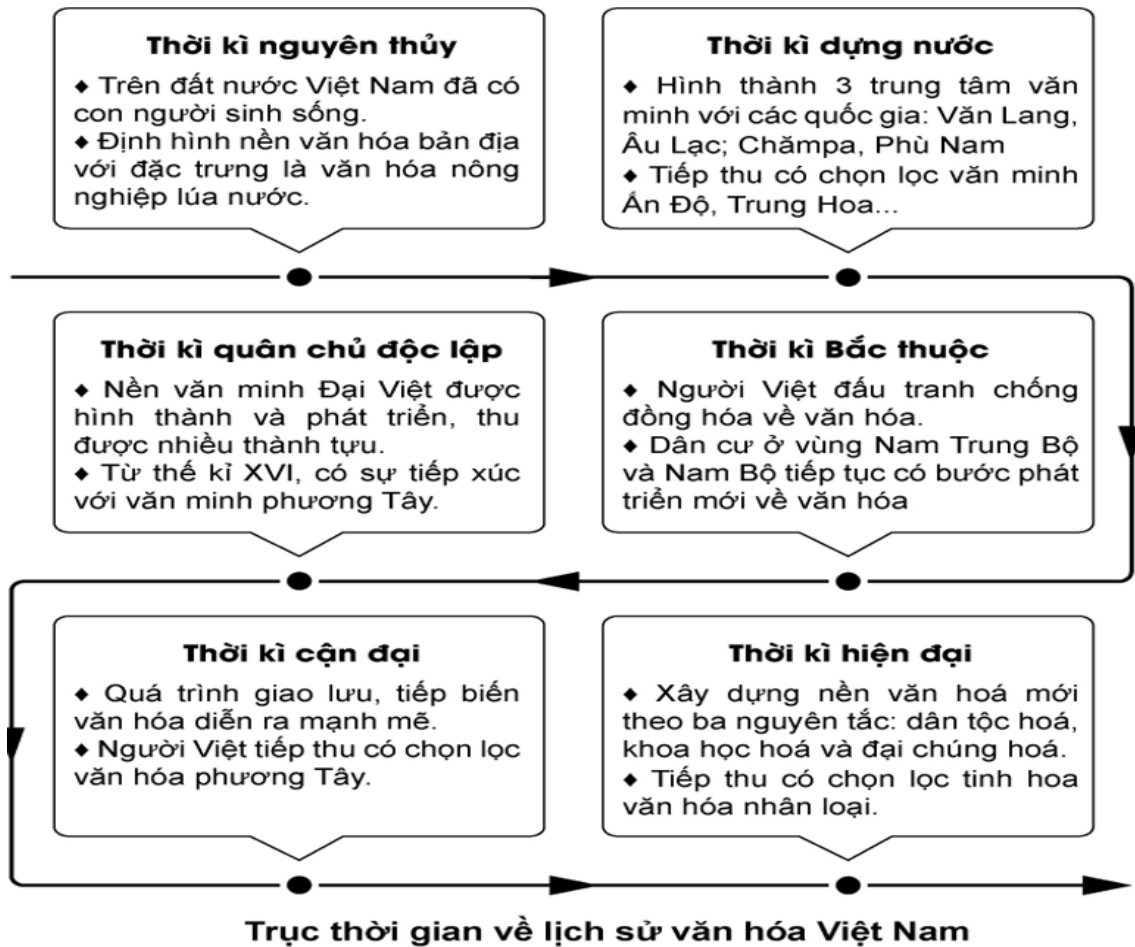
Câu 4. Hãy thể hiện nét chính của lịch sử Việt Nam theo các lĩnh vực (văn hoá, tư tưởng, xã hội, kinh tế,...) trên trục thời gian.

(*) **Trục thời gian:** lịch sử kinh tế Việt Nam

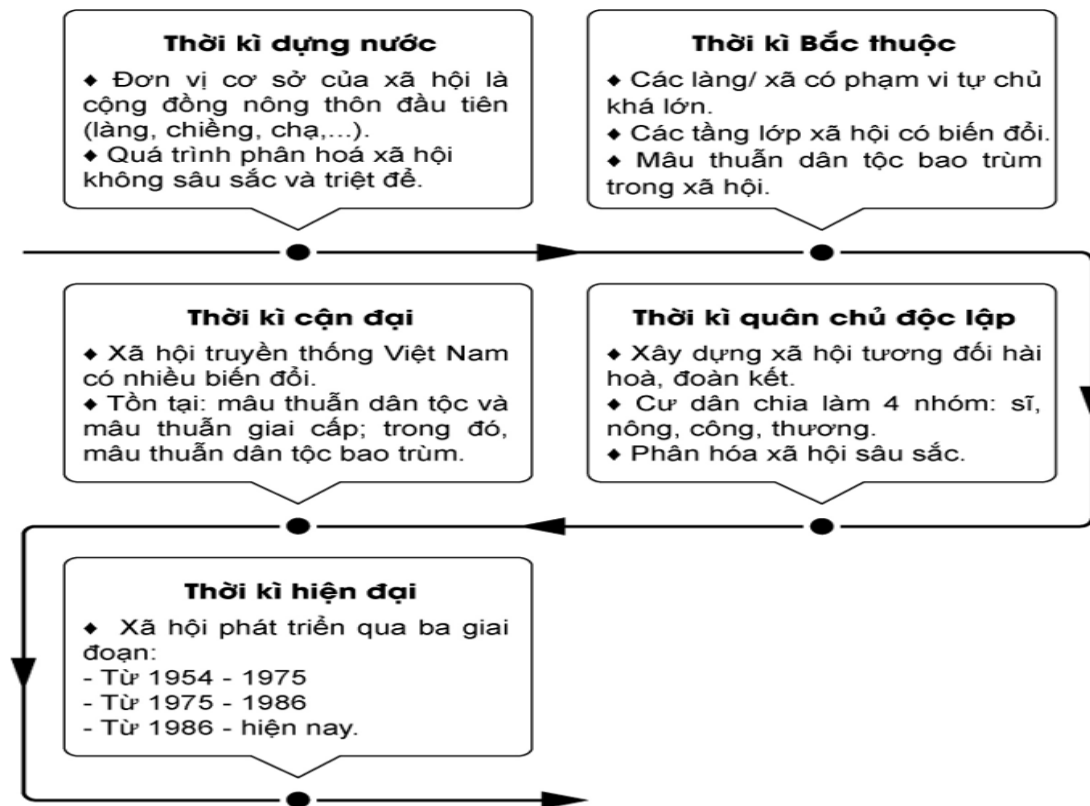


Trục thời gian về lịch sử kinh tế Việt Nam

(*) **Trục thời gian:** Lịch sử văn hóa Việt Nam

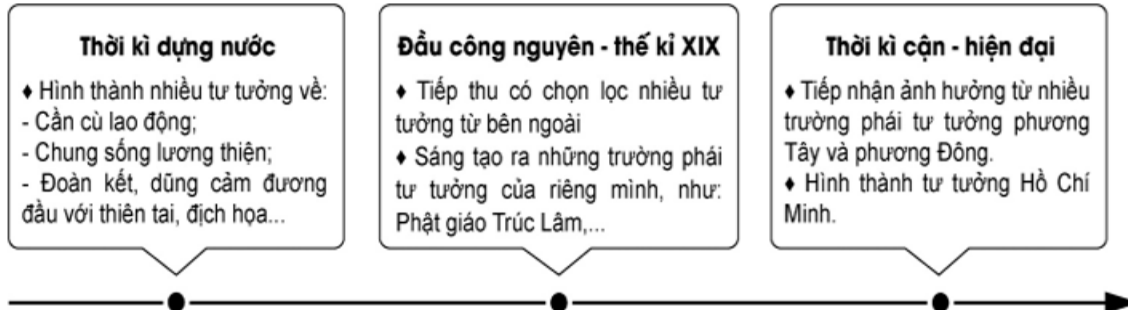


(*) Trục thời gian: Lịch sử xã hội Việt Nam



Trục thời gian về lịch sử xã hội Việt Nam

(*) Trục thời gian: Lịch sử tư tưởng Việt Nam



Trục thời gian về lịch sử tư tưởng Việt Nam

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã có để thực hiện nhiệm vụ được giao. Thông qua đó HS rèn luyện khả năng tìm kiếm, tiếp cận và xử lý thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, góp phần hình thành và phát triển năng lực tự tìm hiểu lịch sử, tự học lịch sử.

b. Nội dung: GV giao cho HS thực hiện ngoài giờ học trên lớp.

c. Sản phẩm: Bài trả lời theo câu hỏi của giáo viên

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS về nhà:

Câu 1. Thu thập sử liệu và trình bày một vấn đề của lịch sử Việt Nam theo một trong số các lĩnh vực chuyên biệt: văn hoá, tư tưởng, xã hội, kinh tế.

Câu 2. Giả sử lớp em được giao nhiệm vụ tìm hiểu về quá trình hình thành và phát triển của ngôi trường các em đang học tập. Hãy cùng thảo luận và xác

- Em sẽ lựa chọn triển khai nhiệm vụ nghiên cứu này theo hình thức nào: Theo thông sử hay theo lĩnh vực?

- Đối tượng, phạm vi của vấn đề nghiên cứu là gì?

- Nội dung cơ bản của vấn đề nghiên cứu.

- Hoàn thiện kết quả và báo cáo trước lớp. định một số vấn đề sau đây và báo cáo trước lớp.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- GV sẽ kiểm tra phần bài làm của học sinh vào đầu tiết của buổi học sau

- Gợi ý sản phẩm:

***Tích hợp NLS:**

- 1.1.NC1b HS áp dụng được kỹ thuật tìm kiếm để lấy được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số-

- 1.2.NC1a- HS thực hiện đánh giá được độ tin cậy và độ tin cậy của các nguồn dữ liệu, thông tin và nội dung số đã sử dụng.

Câu 1. Thu thập sử liệu và trình bày một vấn đề của lịch sử Việt Nam theo một trong số các lĩnh vực chuyên biệt: văn hoá, tư tưởng, xã hội, kinh tế.

Lựa chọn: Tình hình kinh tế Việt Nam thời Bắc thuộc (thế kỉ II TCN - thế kỉ X)

Năm 179 TCN, Âu Lạc rơi vào ách cai trị của nước Nam Việt, mở đầu thời kì Bắc thuộc ở nước ta. Dưới ách cai trị của phong kiến phương Bắc, đời sống kinh tế của người Việt có nhiều biến chuyển:

- Về nông nghiệp:

+ Công cụ bằng sắt ngày càng phổ biến thay thế công cụ sản xuất bằng đồng. Từ thời Âu Lạc, người Việt cổ đã nắm được kĩ thuật luyện sắt để chế tạo công cụ sản xuất, song đồ sắt thuở ấy còn ít, chưa được sử dụng rộng rãi trong sản xuất và đời sống xã hội. Trong thời kỳ Bắc thuộc, mặc dù chính quyền đô hộ nắm độc quyền về sắt, kiểm soát chặt chẽ việc khai thác, chế tạo và mua bán đồ sắt, nhưng nhân dân ta vẫn rèn đúc, chế tạo được nhiều công cụ bằng sắt phục vụ cho nhu cầu sản xuất và cuộc sống. Đồ sắt được sử dụng ngày càng nhiều vào sản xuất, dần dần các nông cụ bằng đồng, mặc dù công nghệ đúc đồng vẫn tiếp tục tồn tại và giữ một vị trí nhất định trong việc chế tạo đồ dùng trong sinh hoạt. Trong các mộ cổ thuộc thời kỳ Bắc thuộc có rất ít vũ khí, công cụ bằng đồng. Nhiều vật dụng trong gia đình cũng được chế tạo bằng sắt (kiềng nấu bếp, đèn, đỉnh). Việc nhà Hán đặt chức thiêt quan trông coi việc thu thuế sắt đã chứng tỏ từ đầu Công nguyên trở về sau, cư dân Việt cổ đã bước vào thời đại đồ sắt phát triển.

+ Cùng với việc sử dụng rộng rãi các công cụ sản xuất bằng sắt, kỹ thuật dùng trâu bò làm sức kéo trong nông nghiệp cũng ngày càng phổ biến, nhờ thế mà diện tích đất trồng trọt được mở rộng dần, các công trình thủy lợi có điều kiện phát triển. Dọc những con sông lớn như sông Hồng, sông Mã đã có đê phòng lụt. Nhiều kênh, ngòi, mương, máng được đào thêm hay nạo vét hàng năm. Giao Châu kí có ghi chép sự việc huyện Phong Khê (trung tâm Cổ Loa) có đê phòng lụt. Sách Nam Việt chí phản ánh việc Mã Viện “chất đá làm thành đê ngăn sóng biển” ở vùng Tạc Khẩu (Tam Điệp, Ninh Bình). Hậu Hán thư ghi lại sự việc Mã Viện “sửa sang kênh ngòi”. Biện pháp dùng các loại phân để bón ruộng (có thể cả phân bắc) cũng được thực hiện trong nông nghiệp.

+ Tất cả những biện pháp kỹ thuật nói trên được đưa vào sản xuất nông nghiệp đã góp phần rất quan trọng vào việc tăng năng suất lúa. Theo một số tài liệu cũ thì “lúa mỗi năm trồng hai lần về mùa hè và mùa đông, sản xuất từ Giao Chỉ, lúa Giao Chỉ chín hai mùa”.

Đầu thời Bắc thuộc, triều Tây Hán phải chở thóc gạo vào Giao Chỉ để cung cấp cho bọn quan lại đô hộ và quân lính chiếm đóng, thì đến thời Đông Hán, số thóc thuế mà chính quyền đô hộ đã vơ vét của nhân dân Giao Chỉ lên tới 13.600.000斛, tương đương 272.000 tấn thóc.

+ Ngoài lúa, nhân dân ta còn trồng nhiều loại hoa màu và các loại cây có củ như khoai, đậu, sắn, ngô. Ở mỗi vùng đất, tùy theo khí hậu, thổ nhưỡng, nhân dân ta trồng nhiều loại cây ăn quả như nhãn, vải, chuối, cam, quýt, mơ, mận, táo, sầu, cau, khế v.v.. Cây công nghiệp thì có bông, mía, dâu. Việc trồng dâu nuôi tằm gắn liền với nghề nông nghiệp truyền thống lâu đời và nghề ươm tơ dệt lụa. Nhân dân ta bây giờ còn biết trồng trọt và khai thác một số loại cây để làm thuốc (đậu khấu, ý dĩ, quế, gừng gió), cây lấy gỗ, làm các vật dụng trong đời sống, chăn nuôi trâu bò, chó, lợn, gà, vịt, voi, ngựa. Bên cạnh nghề làm ruộng, nghề làm vườn cũng khá phổ biến trong nhân dân.

- Trong thủ công nghiệp:

+ Kỹ thuật rèn sắt phát triển hơn trước công nguyên. Công cụ bằng sắt có nhiều loại đa dạng như rìu, mai, cuốc, dao, vũ khí, đèn, đinh và một số đồ dùng trong sinh hoạt gia đình.

+ Nghề đúc đồng vẫn tiếp tục nhưng chủ yếu chế tạo các đồ dùng phục vụ trong sinh hoạt hàng ngày của nhân dân (nồi niêu, lư hương, đồ trang sức).

+ Nghề làm đồ gốm phát triển mạnh, nhiều loại đồ dùng trong nhà như nồi đất, vò, bình, bát, đĩa, đèn... được sản xuất ngày càng nhiều. Bên cạnh loại gốm trơn (thường) còn có loại gốm tráng men. Gạch ngói cũng có nhiều loại khác nhau (gạch thường, gạch hình múi bưởi để xây vòm cuốn, ngói bản, ngói ống...).

+ Nghề dệt vải, lụa, là những nghề thủ công gia đình phổ biến ở nhiều địa phương; các nghề mộc, đan lát, xây dựng nhà cửa cũng có bước phát triển đáng kể.

+ Việc khai thác vàng, bạc, châu ngọc trong nhân dân cũng được đẩy mạnh, nhiều kiểu, loại đồ trang sức bằng vàng, bạc, ngọc được gia công tinh tế (vòng tay,

nhân, trầm, lược, hoa tai v.v...) chủ yếu nhằm phục vụ cho nhu cầu của tầng lớp thống trị và quý tộc.

+ Nghề mộc, đóng thuyền, nghề xây dựng chùa chiền, đền đài, lăng mộ cũng khá phát triển. Người thợ thủ công nước ta bấy giờ đã thể hiện là những người thợ có trình độ mỹ thuật cao và rất khéo tay. Dưới thời nhà Ngô đô hộ nước ta, hàng nghìn thợ thủ công đã bị bắt đưa sang Trung Quốc để xây dựng kinh đô Kiến Nghiệp, nhiều thợ thủ công bị trưng tập vào lao động trong các xưởng thủ công của chính quyền đô hộ. Đây là nguyên nhân làm chậm bước chuyên môn hoá để hình thành các làng và phường thủ công chuyên nghiệp, mặc dù đã có sự tách rời ít nhiều của một bộ phận lao động thủ công khỏi nông nghiệp.

+ Người Việt đã biết tiếp thu một số kỹ thuật công nghệ của các nước, đã làm nảy sinh thêm một số nghề thủ công mới như nghề làm giấy từ các nguyên liệu như rêu biển, vỏ cây, lá cây, nhất là sản xuất được giấy trầm hương có vân rất đẹp và có giá trị. Lái buôn Trung Quốc đã mua giấy trầm hương ở nước ta đem về Trung Quốc, vua nhà Tấn (cuối thế kỷ III) đã sai các quan lại Trung Quốc dùng giấy này để chép lại các sách Xuân thu và Kinh truyện để dâng vua. Từ thế kỷ IV, trên cơ sở tiếp thu kỹ thuật chế tạo thủy tinh của Ấn Độ và một số nước, người Việt đã thổi được những bình, bát bằng thủy tinh nhiều màu sắc xanh, tím. Các nghề thủ công khác như mộc, sơn the, thuộc da, nấu rượu, làm cối, khánh đá cũng khá phát triển trong nhân dân.

- Về thương nghiệp:

+ Sự chuyển biến trong nông nghiệp và thủ công nghiệp đã góp phần quan trọng thúc đẩy thương nghiệp phát triển hơn trước. Mặt khác, sự phong phú về tài nguyên và nhiều đặc sản của vùng nhiệt đới đã thu hút nhiều lái buôn nước ngoài đến nước ta, làm cho việc buôn bán ở Việt Nam thời Bắc thuộc thêm phân phát triển.

+ Nhu cầu của việc vận chuyển vật cống, thuế khóa thu được ở nước ta về Trung Quốc cũng đã thúc đẩy chính quyền đô hộ chăm lo đến việc sửa chữa, xây đắp đường sá, dẫn đến sự thông thương giữa các quận trong nước và giữa nước ta với Trung Quốc. Cuối thế kỷ I, con đường dọc sông Thương sang Trung Quốc được xây đắp. Từ trung tâm Luy Lâu, Long Biên có đường thủy ngược xuôi các ngã nối liền các vùng núi Tây Bắc, Đông Bắc với đồng bằng châu thổ sông Hồng. Nhiều con đường bộ liên vùng theo các hướng Tây - Tây Nam - Đông Bắc và Nam - Tây Nam - Bắc - Đông Bắc gặp nhau ở trung tâm Luy Lâu và nhiều đường bộ khác trong 3 quận, cùng với đường biển được mở mang càng làm cho việc buôn bán trong nước và với nước ngoài, nhất là với Trung Quốc khá phát triển. Hàng hoá bán ra các nước chủ yếu là hương liệu, lâm sản quý, vải, gấm, giấy bản, đường. Hàng hoá nhập vào gồm nhiều chủng loại nhưng đại bộ phận là các hàng xa xỉ phẩm, phục vụ cho bọn quan lại đô hộ và tầng lớp quý tộc giàu có.

+ Tuy nhiên, chính quyền đô hộ và bọn lái buôn người nước ngoài đã lũng đoạn nền thương mại ở nước ta thời bấy giờ. Sự phát triển ngoại thương càng làm

giàu thêm cho bọn đô hộ, nhân dân bản địa phải chịu thêm ách lao dịch, bóc lột nặng nề. Dù là vậy, việc đẩy mạnh quan hệ giao lưu kinh tế giữa các khu vực trong nước (ở Châu Giao) và giữa Châu Giao với các nước quanh vùng cũng đã có tác dụng nhất định trong việc kích thích nền kinh tế ở Châu Giao phát triển.

- **Kết luận:** Nhìn chung, kinh tế Việt Nam thời kì Bắc thuộc có nhiều chuyển biến và có bước phát triển mới, nhưng sự phát triển kinh tế chủ yếu nhằm phục vụ cho chính quyền đô hộ phương Bắc. Đời sống của nhân dân ta vẫn khổ cực.

Câu 2. Giả sử lớp em được giao nhiệm vụ tìm hiểu, nghiên cứu về quá trình hình thành và phát triển của ngôi trường các em đang học tập. Hãy cùng thảo luận và xác định một số vấn đề sau đây rồi báo cáo trước lớp:

- Em sẽ lựa chọn triển khai nhiệm vụ nghiên cứu này theo hình thức nào: thông sử hay theo lĩnh vực?
- Đối tượng, phạm vi của vấn đề nghiên cứu là gì?
- Nêu nội dung cơ bản của vấn đề nghiên cứu.
- Hoàn thiện kết quả nghiên cứu của nhóm và báo cáo trước lớp.

IV. RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....
XÁC NHẬN CỦA BGH

.....
XÁC NHẬN CỦA TT CM

NGUYỄN VĂN SÁU

